

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/01/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc: **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2021/QĐXX-ST ngày 19/11/2021, Quyết định hoãn phiên Tòa số 577/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Lệ Nh, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: E2, tổ 29, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Gí, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 75/372, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Gí vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Thị Lệ Nh trình bày: bà và ông Gí xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi nhau

nguyên nhân là có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống, bà và ông Gí đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên là Bùi Yến V, sinh ngày: 30/10/2012; Bùi Hữu Ch, sinh ngày: 01/11/2017, hiện các cháu đang sống với bà. Ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông Gí cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác

Bị đơn ông Bùi Văn Gí vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Lệ Nh. Bà Trương Thị Lệ Nh được ly hôn với ông Bùi Văn Gí.

+ Về con chung: có 02 cháu tên là Bùi Yến V, sinh ngày: 30/10/2012; Bùi Hữu Ch, sinh ngày: 01/11/2017. Ly hôn giao 02 cháu cho bà Trương Thị Lệ Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông Gí không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà Nh phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Lệ Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Bùi Văn Gí đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh, ông Gí là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Lệ Nh và ông Bùi Văn Gí tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà Nh, ông Gí là hợp pháp. Nay bà Nh xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nh: Bà Nh xin ly hôn với ông Gí với lý do bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng thường xảy

ra xung đột, gây gỗ cãi vã nhau. Về phía ông Gí vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ kiện dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ ông Gí cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông Gí thì được biết ông Gí có sinh sống tại địa chỉ 75/372, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông Gí như thế nào thì địa phương không nắm nhưng bà Nh và ông Gí đã ly thân, bà Nh không còn sinh sống tại địa chỉ 75/372, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở tài liệu thu thập được xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nh là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi thụ lý vụ kiện cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã triệu tập ông Gí lên Tòa làm việc, hòa giải rất nhiều lần để hàn gắn đoàn tụ cho bà Nh và ông Gí nhưng ông Gí vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông Gí đã bỏ mặt quan hệ hôn nhân của mình nên có hàn gắn ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh. Cho bà Nh được ly hôn với ông Gí là phù hợp.

[4] Về con chung: có 02 cháu tên là Bùi Yến V, sinh ngày: 30/10/2012; Bùi Hữu Ch, sinh ngày: 01/11/2017, hiện tại 02 cháu đang sống với bà Nh. Ly hôn bà Nh có nguyện vọng được nuôi con. Ông Gí vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện. Tòa án đã tham khảo ý kiến của cháu Yến V thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Trên cơ sở hồ sơ vụ kiện, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về điều kiện nuôi con của bà Nh thì được biết mức lương của bà Nh 10.300.000đ/ tháng(Mười triệu ba trăm nghìn đồng), hai cháu sống với mẹ phát triển bình thường, cháu V là con gái, cháu Ch còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 cháu cho bà Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; Bà Nh không có yêu cầu ông Gí cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: bà Nh không có yêu cầu giải quyết. Ông Gí vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nh khai không có. Ông Gí vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 9, 10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 ; điều 51,

53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Lệ Nh. Bà Trương Thị Lệ Nh được ly hôn với ông Bùi Văn Gí.

2. Về con chung: có 02 cháu tên là Bùi Yến V, sinh ngày: 30/10/2012; Bùi Hữu Ch, sinh ngày: 01/11/2017. Ly hôn giao 02 cháu Yến V và Hữu Ch cho bà Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm thời ông Gí không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Gí được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009752 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B(2);
- THA Dân sự thành phố B(1);
- TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P T, TP B, tỉnh Đồng Nai
- Đương sự (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà